

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-PT.

Ngày: 29-8-2025.

V/v: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn, nợ chung và tranh chấp cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Trường - Thư ký TAND tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 32/2025/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn, nợ chung và tranh chấp cấp dưỡng nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 1038/2024/HNGĐ-ST ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là TAND Khu vực 1 - Gia Lai) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1979; số CCCD: 052179004244 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 30/5/2023; nơi cư trú: 87 H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là: 87 H, phường Q, tỉnh Gia Lai); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê: Ông Bùi Văn P – Luật sư của Công ty Luật Phi Long thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 654 N, phường Q1, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1979; số CCCD: 052079025043 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 11/8/2021; nơi cư trú: nơi cư trú: Tổ 7C, khu vực 1, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là Tổ 7C, khu phố 26, phường Q1, tỉnh Gia Lai); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn: Ông Phùng Ngọc Q -

Luật sư của Văn phòng luật sư Ngọc Quang thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 206 P, thị trấn P, huyện T (nay là: 206 P, xã T, tỉnh Gia Lai); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 7C, khu vực 1, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là Tổ 7C, khu phố 26, phường Q1, tỉnh Gia Lai); vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1956; nơi cư trú: 23 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là: 23 N, phường Q1, tỉnh Gia Lai); có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 03 năm 2024; đơn khởi kiện ngày 04 tháng 03 năm 2024; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 4 năm 2024: đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 5 năm 2024 và lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày:

Năm 2010 chị và anh Nguyễn Hồng N ly hôn (theo bản án số 516/2010/HNGĐ-ST ngày 04/11/2010 của Tòa án nhân dân TP. Q) nhưng không yêu cầu chia tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh N có 01 tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định (Nay là tổ 7C, khu vực 1, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định). Sau nhiều lần hai bên tự thỏa thuận để chia tài sản chung nhưng không thành nên nay chị L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Nguyên đơn thống nhất theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 25/3/2024 và yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và quyền sử dụng đất, thối lại một nửa giá trị tài sản cho anh N bằng tiền. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản vì lý do tính từ thời điểm cấp sơ thẩm định giá đến khi xét xử phúc thẩm thời gian đã lâu, giá trị nhà đất có sự thay đổi.

- Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh N có 02 người con chung trong thời kỳ hôn nhân là Nguyễn Nguyên L, sinh ngày: 27/7/2000 và Nguyễn An N, sinh ngày: 12/6/2009. Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án buộc anh N cấp dưỡng nuôi con vì khi Tòa án giải quyết anh N không đến Tòa để làm việc, có người phụ nữ khác, chị thường xuyên bị anh N đánh đập nên chị muốn Tòa án giải quyết nhanh. Sau khi ly hôn chị cũng không làm đơn yêu cầu Tòa án buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng là của người không trực tiếp nuôi con, mà khoản tiền cấp dưỡng này lẽ ra các con của anh N và chị L được hưởng, chị L là người được Tòa án giao trực tiếp nuôi con, tại thời điểm đó các con của chị L chưa thành niên nên căn cứ theo Điều 21 của

Bộ luật Dân sự, chị L đại diện cho con thực hiện các giao dịch dân sự của các con, việc nuôi 02 con chung do một mình chị L gánh vác, phải vay mượn để lo cho các con nhưng từ đó đến nay anh N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, theo tinh thần của án lệ số 62/2023/AL1 của Tòa án nhân dân tối cao, chị L yêu cầu Tòa án truy thu nghĩa vụ cấp dưỡng, buộc anh Nguyễn Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mà lẽ ra trước đây anh N phải cấp dưỡng chị L nuôi 02 con chung là Nguyễn Nguyên L, sinh ngày: 27/7/2000 và Nguyễn An N, sinh ngày: 12/6/2009 từ lúc ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và cháu N đến trước ngày 07/3/2024, cụ thể như sau:

+ Đối với việc cấp dưỡng cho con chung tên Nguyễn Nguyên L là từ ngày 04/11/2010 (ngày Tòa án giải quyết cho chị L và anh N ly hôn) đến khi anh L đủ 18 tuổi (ngày 27/7/2018) là 90 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thành tiền là 90.000.000 đồng.

+ Đối với việc cấp dưỡng cho con chung tên Nguyễn An N từ ngày 04/11/2010 (ngày Tòa án giải quyết cho chị L và anh N ly hôn) đến trước ngày 07/3/2024 là 159 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thành tiền là 159.000.000 đồng.

Về yêu cầu truy cấp dưỡng này, chị yêu cầu anh N phải thực hiện 01 lần.

Do hiện nay cháu Nguyễn An N chưa đủ 18 tuổi nên chị yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 07/3/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh N có mượn của mẹ chị L là bà Nguyễn Thị Thu B 30.000.000 đồng. Nay bà B yêu cầu trả cả tiền gốc và lãi tổng cộng là 70.000.000 đồng, chị L đồng ý và yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cùng chị L trả cho bà B, chị đồng ý trả cho bà Ba 35.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 8 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hồng N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Về yêu cầu chia tài sản chung: Anh N và chị Nguyễn Thị Thanh L ly hôn vào năm 2010 nhưng thời điểm đó Tòa án giải quyết cho anh N và chị L ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, còn đối với tài sản chung thì không yêu cầu Tòa giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa anh N và chị L có 01 tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định, do anh N và chị L tạo lập nên. Trên đất anh N và chị L xây ngôi nhà cấp 4 có mê lờ, mái tôn từ năm 2008, nguồn tiền xây nhà là của anh N và chị L. Nay chị L yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất nói trên thì anh N thống nhất về giá trị định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 25/3/2024 và đồng ý chia đôi, mỗi người nhận ½ giá trị tài sản, anh đề nghị được nhận tài sản bằng hiện vật và thôi lại cho chị L bằng ½ giá trị tài sản vì hiện nay anh

N cùng vợ là chị Nguyễn Thị H và 02 con đang sinh sống ổn định tại nhà này hơn 05 năm.

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh N không đồng ý về việc chị L yêu cầu buộc anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mà lẽ ra trước đây anh N phải cấp dưỡng để chị L nuôi 02 con chung là Nguyễn Nguyên L, sinh ngày: 27/7/2000 và Nguyễn An N, sinh ngày: 12/6/2009 từ lúc ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và đối với cháu N tính đến trước ngày 07/03/2024 vì tại thời điểm ly hôn và đến thời điểm sau này chị L không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên không có căn cứ yêu cầu anh N phải trả khoản tiền này. Còn đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn An N, hiện cháu N chưa đủ 18 tuổi thì anh đồng ý cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng và thống nhất việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày 07/3/2024 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Anh N thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh N và chị L có nợ chung bà Nguyễn Thị Thu B 30.000.000 đồng và đồng ý trả tiền theo yêu cầu độc lập của bà B, theo đó anh đồng ý trả cho bà B 15.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi phát sinh, tổng cộng là 35.000.000 đồng, phần còn lại chị L có trách nhiệm trả. Theo anh N biết thì hiện bà B đang giữ hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đang tranh chấp, nếu Hội đồng xét xử giao anh N nhận hiện vật thì đề nghị bà B giao lại giấy chứng nhận này cho anh N.

- Về chi phí tố tụng: Anh N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2023 và lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Năm 2006 anh N, chị L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định cho Ngân hàng ViettinBank nhưng đến khi đến ngày đáo hạn, anh N, chị L không có tiền để trả nên đến năm 2007 bà có cho anh N, chị L mượn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để trả cho Ngân hàng ViettinBank. Tại thời điểm đó bà có đi cùng anh N, chị L đến Ngân hàng ViettinBank để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang về và cất giữ với mục đích để làm tin, khi nào anh N và chị L trả khoản tiền 30.000.000 đồng cho bà thì bà trả lại giấy tờ cho họ. Năm 2010, chị L và anh N ly hôn nhưng không yêu cầu chia tài sản nên bà không yêu cầu trả nợ cho đến nay. Nay chị L và anh N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là nhà và đất tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Q buộc anh N và chị L trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất tính từ năm 2007 đến nay là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Sau khi anh N hoặc chị L trả tiền cho bà, bà đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với thửa đất đang tranh chấp cho người được giao nhận hiện vật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 06/11/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2024 chị Nguyễn Thị Hg là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng N là vợ chồng hợp pháp, hiện vợ chồng chị và các con đang sống tại ngôi nhà tọa lạc tại số 30/18/14 L, khu vực 1, phường Q, TP. Q, đây là tài sản chung của anh N và chị L trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh N và chị L yêu cầu chia tài sản chung này chị không có ý kiến gì vì chị không có đóng góp gì đối với tài sản này. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên hoà giải và tại phiên toà xét xử vụ án.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 1038/2024/HNGĐ-ST ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là TAND Khu vực 1 - Gia Lai) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 29, Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Thu B về việc yêu cầu chị L và anh N trả nợ.

2. Về tài sản chung:

2.1. Giao cho anh Nguyễn Hồng N được quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung là: 01 ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 19, diện tích 42 m², tọa lạc tại Khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, P. Q, TP. Q, tỉnh Bình Định (Nay là nhà có địa chỉ tại số 30/18/14 L thuộc tổ 7C, khu vực 1, phường Q, thành phố Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 137801 ngày 10/4/2006 do UBND thành phố Q cấp đứng tên anh Nguyễn Hồng N và chị Nguyễn Thị Thanh L.

2.2. Anh Nguyễn Hồng N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.3. Anh Nguyễn Hồng N phải thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Thanh L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương đương số tiền 490.955.290 (Bốn trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh N về việc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn An N (sinh ngày 12/6/2009) mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/3/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị L về việc truy cấp dưỡng nuôi con, buộc anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với tổng số tiền 249.000.000 đồng (trong đó, đối với cháu L thời gian 90 tháng từ tháng 11/2010 đến ngày 27/7/2018 (cháu L đủ 18 tuổi) số tiền 90.000.000 đồng và đối với cháu N thời gian 159 tháng từ ngày 04/11/2010 đến trước ngày 07/3/2024 số tiền 159.000.000 đồng).

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về việc chị L và anh N mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà B $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và nợ lãi là 70.000.000 đồng. Chị L có nghĩa vụ trả cho bà Ba 35.000.000 đồng, anh N có nghĩa vụ trả cho bà B 35.000.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng). Bà B có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Hồng N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 137801 ngày 10/4/2006 do UBND TP. Q cấp đứng tên ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thanh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Nguyên L từ ngày 04/11/2010 (ngày ly hôn) đến khi đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn An N từ ngày 04/11/2010 đến trước ngày 07/3/2024 (ngày gửi đơn yêu cầu) và cho chị nhận nhà, đất tại đất thuộc thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, Tp Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q1, tỉnh Gia Lai) để mẹ con chị có nơi ở ổn định, chị đồng ý thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất cho anh N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị L được nhận nhà và đất để có chỗ ở nuôi con vì nguồn gốc đất từ ba mẹ chị Lê cho. Chị L đề nghị được truy lĩnh tiền cấp dưỡng vì: Từ năm 2010 đến

nay một mình chị gánh vác nuôi hai con, anh N chưa thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng các con, đề nghị anh N cấp dưỡng một lần.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L, sửa bản án sơ thẩm về giá trị nhà, đất đã định giá lại vào ngày 21/7/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Năm 2010 chị L và anh Nguyễn Hồng N ly hôn (theo bản án số 516/2010/HNGĐ-ST ngày 04/11/2010 của Tòa án nhân dân TP. Q, chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Nguyên L, sinh ngày 27/7/2000 và Nguyễn An N, sinh ngày 12/6/2009, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị L và anh N không yêu cầu giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh L buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Nguyên L từ ngày 04/11/2010 (ngày ly hôn) đến khi đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn An N từ ngày 04/11/2010 đến trước ngày 07/3/2024 (ngày gửi đơn yêu cầu), yêu cầu được nhận nhà, đất tại đất thuộc thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q1, tỉnh Gia Lai), HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu truy tiền cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo Bản án số 516/2010/HNGĐ-ST ngày 04/11/2010 của Tòa án nhân dân TP. Q, tỉnh Bình Định (nay là TAND Khu vực 1 - Gia Lai) thì chị L và anh N có 02 người con chung trong thời kỳ hôn nhân là Nguyễn Nguyên L (sinh ngày 27/7/2000) và Nguyễn An N (sinh ngày: 12/6/2009). Theo quyết định ly hôn, chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu L, cháu N, đồng thời chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị L khi quyết định ly hôn. Hơn nữa, sau khi ly hôn đến trước tháng 3/2024, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, cho nên việc chị L yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Nguyên L (sinh ngày 27/7/2000), từ lúc Tòa án giải quyết cho ly hôn là ngày 04/11/2010 đến khi cháu L đủ 18 tuổi (ngày 27/7/2018) là 90 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thành tiền là 90.000.000 đồng; cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn An N từ lúc Tòa án giải quyết cho ly hôn (04/11/2010) đến trước ngày 07/3/2024 là 159 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thành tiền 159.000.000 đồng. Tổng cộng 249.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Tại cấp sơ thẩm, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn An N (sinh ngày

12/6/2009) mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu N đủ 18 tuổi, cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của anh N là phù hợp. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N không đồng ý cấp dưỡng một lần nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2.2] Về kháng cáo yêu cầu nhận nhà, đất tại đất thuộc thửa đất số 19, có diện tích 42,0m² tọa lạc tại khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q1, tỉnh Gia Lai), xét thấy: Chị L và anh N thống nhất tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 01 ngôi nhà gắn liền với thửa đất 19, diện tích 42m², tọa lạc tại Khu quy hoạch tái định cư khu vực 2, phường Q, TP. Q, tỉnh Bình Định (Nay là nhà có địa chỉ tại số 30/18/14 L, phường Q1, tỉnh Gia Lai). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 137801 do UBND TP. Q cấp ngày 10/4/2006 cho ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Thanh L. Xét thấy: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm nhận định nguồn gốc thửa đất và công sức đóng góp vào khối tài sản chung và quyết định chị L, anh N mỗi bên được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là phù hợp. Các bên chỉ tranh chấp ai là người nhận nhà và thanh toán lại giá trị cho bên kia. Xét thấy: hiện nay chị L và anh N đều đã có cuộc sống riêng, chị Lê cùng các con sống ổn định ở nơi khác, anh N lập gia đình mới cùng vợ là chị Nguyễn Thị H và các con sinh sống ổn định tại nhà, đất đang tranh chấp hơn 05 năm nay. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy bán đoạn nhà để chứng minh nhà đất đang tranh chấp có nguồn gốc do giải tỏa phần diện tích đất của cha chị L là ông Nguyễn Thành Đ mua của bà Phạm Thị G nhưng hiện nay bà G ông Đ đã chết nên không có căn cứ để xác minh; những người có đất ở tứ cận đã chết, nên không xác định được. Để tránh việc xáo trộn nề nếp sinh hoạt hàng ngày của gia đình anh N, cấp sơ thẩm quyết định giao nhà và đất cho anh N sở hữu, sử dụng và thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà cho chị L là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Theo Biên bản định giá ngày 21/7/2025 tại cấp phúc thẩm, trị giá đất: 42m² x 24.000.000đ/m² = 1.008.000.000 đồng; Giá trị nhà: 96.639.270 đồng. Tổng giá trị nhà, đất tranh chấp là: 1.104.639.270 đồng.

Do anh N được giao nhà đất sử dụng và sở hữu nên anh N phải có nghĩa vụ bồi lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất nêu trên cho chị L là 552.319.635 đồng (1.104.639.270đ :2)

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L. Sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần giải quyết tài sản chung.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Hồng N mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét, định giá tại cấp sơ thẩm và 3.000.000đ chi phí xem

xét, định giá tại cấp phúc thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng 16.000.000đ nên anh N phải thanh toán lại cho chị L 8.000.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Sửa án phí về chia tài sản chung: Anh N, chị L mỗi người phải chịu 26.092.785 đồng [552.319.635 đồng = 20.000.000 đồng + (152.319.635 đồng x 4%)].

- Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh L được chấp nhận một phần nên chị L không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 29, Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 5, 6 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L. Sửa quyết định của bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 1038/2024/HNGĐ-ST ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là TAND Khu vực 1 - Gia Lai).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn.

2. Về tài sản chung:

2.1. Giao cho anh Nguyễn Hồng N được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung là: 01 ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 19, diện tích 42 m², tọa lạc tại Khu quy hoạch tái định từ khu vực 2, P. Q, TP. Q, tỉnh Bình Định (Nay là nhà có địa chỉ tại số 30/18/14 L thuộc tổ 7C, khu phố 26, phường Q1, tỉnh Gia Lai) và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 137801 ngày 10/4/2006 do UBND thành phố Q cấp đứng tên anh Nguyễn Hồng N và chị Nguyễn Thị Thanh L.

2.2. Anh Nguyễn Hồng N phải thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Thanh L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương đương số tiền 552.319.635 đồng.

2.3. Anh Nguyễn Hồng N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán lại cho chị L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh N về việc anh Nguyễn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn An N (sinh ngày 12/6/2009) mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/3/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L về việc truy cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Nguyễn Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với tổng số tiền 249.000.000 đồng (trong đó, đối với cháu L thời gian 90 tháng từ tháng 11/2010 đến ngày 27/7/2018 (cháu L đủ 18 tuổi) số tiền 90.000.000 đồng và đối với cháu N thời gian 159 tháng từ ngày 04/11/2010 đến trước ngày 07/3/2024 số tiền 159.000.000 đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Hồng N mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét, định giá tại cấp sơ thẩm và 3.000.000 đồng chi phí xem xét, định giá tại cấp phúc thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng 16.000.000 đồng nên anh N phải thanh toán lại cho chị Lê 8.000.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 26.092.785 đồng án phí chia tài sản chung và 1.750.000 đồng án phí về nợ chung, được trừ tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003713 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Gia Lai), chị Lê còn phải chịu 17.842.785 đồng.

- Anh Nguyễn Hồng N phải chịu 26.092.785 đồng án phí chia tài sản chung, 1.750.000 đồng án phí về nợ chung và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung; tổng số tiền anh N phải chịu là 28.142.785 đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho chị L 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001012 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Gia Lai).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Duy